

Bản án số: **61/2017/HSPT**
Ngày: 28/12/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Bá Sơn**

Các thẩm phán: Ông **Vũ Thanh Liêm**

Ông **Mai Xuân Thành**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Đức**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Xuân Ân**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 76/2017/HSPT ngày 09/11/2017 đối với bị cáo **NGUYỄN QUỐC C** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của các bị hại, đối với bản án hình sự sơ thẩm số 53/2017/HSST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Họ và tên: **NGUYỄN QUỐC C** - Sinh năm 1960, tại Hà Nam. Nơi ĐKNKTT: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 7/10; Dân tộc: Kinh. Con ông: Nguyễn Văn M (đã chết); Con bà Trần Thị L (đã chết). Bị cáo có vợ là bà Tạ Thị V và có 02 con (lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh 1993). Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/4/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Bà **Hà Thị H**, ông **Ngô Văn T**. Cùng trú tại: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

2. Bà **Nguyễn Thị P**, ông **Lê Anh D**. Cùng trú tại: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- *Người liên quan:*

1. Chị **Ngô Hà Thủy N.** Địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.
2. Ông **Nguyễn Văn H.** Địa chỉ: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.
3. Bà **Tạ Thị V.** Địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

NGUYỄN QUỐC C là công nhân Đội quản lý trật tự cảnh quan đô thị thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Từ tháng 2/2015 đến tháng 7/2016, mặc dù không có nhiệm vụ, vai trò và chức năng trong việc tuyển dụng công dân vào làm việc theo diện biên chế thuộc cơ quan, tổ chức nhà nước để có tiền trả nợ và tiêu sài cá nhân, C đã đưa ra thông tin gian dối: C có nhiều mối quan hệ, quen biết nhiều lãnh đạo của tỉnh và ngành công an nên có khả năng xin việc vào ngành công an và bệnh viện. Bằng thủ đoạn trên, NGUYỄN QUỐC C đã nhận và chiếm đoạt tổng số tiền 640.000.000 đồng của các bị hại, cụ thể như sau:

1. Đầu năm 2015, thông qua quan hệ xã hội, NGUYỄN QUỐC C biết vợ chồng bà Hà Thị H và ông Ngô Văn T có con gái là Ngô Hà Thủy N sinh năm 1991, tốt nghiệp công tác xã hội, trường đại học Lao động thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu xin việc làm. Nên C nói dối vợ chồng bà H là bản thân quen biết lãnh đạo Bộ công an nên có thể xin việc cho chị N vào làm việc tại Cục an ninh Tây Nguyên, với chi phí là 600.000.000 đồng. Vợ chồng bà H, ông T tưởng là thật nên nhờ C xin việc cho con gái với chi phí như yêu cầu. NGUYỄN QUỐC C đã nhận hồ sơ xin việc và nhận tiền 04 lần từ vợ chồng bà H, ông T, cụ thể:

Lần 1: Khoảng tháng 02/2015, vợ chồng bà H và ông T đến nhà NGUYỄN QUỐC C đưa số tiền 200.000.000 đồng có viết giấy nhận tiền.

Lần 2: Ngày 24/3/2015 ông T và chị Ngô Hà Thủy N đến nhà và đưa cho C số tiền 200.000.000 đồng, có viết giấy nhận tiền. Sau khi nhận tiền khoảng bảy ngày, C đi mua 01 bộ hồ sơ xin việc và đưa cho bà H để chị N kê khai rồi nộp lại cho C.

Lần 03: Ngày 29/3/2015, khi đang trên đường về quê (Hà Nam) thì C nói dối với gia đình bà H là ra Hà Nội để gặp cảm ơn những người xin việc cho chị N và yêu cầu gửi số tiền 20.000.000 đồng để tiếp khách. Sau đó, chị N ra ngân hàng Đông Á, chi nhánh Đắk Lắk gửi cho C qua tài khoản 0102318542 số tiền 20.000.000 đồng.

Lần 4: Khoảng tháng 4/2015 NGUYỄN QUỐC C đến nhà gặp vợ chồng bà H, ông T và chị N nhận số tiền 200.000.000 đồng sau khi nhận tiền, C thỏa thuận với gia đình bà H viết một giấy nhận tiền xin việc với nội dung: “*Hôm nay ngày 24/3/2015, NGUYỄN QUỐC C có nhận tiền để xin việc cho cháu Ngô Hà Thủy N,*

con bà Hà Thị H và ông Ngô Văn T số tiền 620.000.000 đồng, hẹn đến ngày 30/8/2015 sẽ xin được việc cho cháu vào làm tại Cục An ninh Tây Nguyên”. Sau đó cả hai bên thống nhất hủy bỏ các giấy nhận tiền trước đó. (tờ giấy nộp tiền kèm bảng kê ngày 29/3/2015 của ngân hàng Đông Á, chi nhánh Đắk Lắk thì bà H giữ lại).

Sau khi nhận tổng số tiền 620.000.000 đồng của vợ chồng bà H, NGUYỄN QUỐC C đã không dùng để làm chi phí xin việc theo thỏa thuận mà sử dụng để trả nợ cho một số chủ nợ, còn lại 270.000.000 đồng sử dụng tiêu sài cá nhân. Bộ hồ sơ xin việc của chị N thì C đã xé bỏ. Đến cuối năm 2015 thấy C không xin được việc làm cho chị N như đã thỏa thuận nên vợ chồng bà H yêu cầu C trả lại tiền. C viết giấy hẹn trả lại tiền cho bà H vào tháng 12/2015 nhưng quá thời hạn trả nợ C chỉ trả lại cho bà H 02 bộ bàn ghế trị giá 40.000.000 đồng và 40.000.000 đồng tiền mặt, tổng cộng là 80.000.000 đồng, số tiền còn lại 540.000.000 đồng, mặc dù vợ chồng bà H đòi nhiều lần nhưng C vẫn không chịu trả tiền, do vậy tháng 5/2016 vợ chồng bà H làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo của NGUYỄN QUỐC C đến Công an thành phố B.

Trong quá trình cơ quan điều tra tiến hành điều tra đối với vụ án ngày 26/8/2016 C đã bồi thường cho vợ chồng bà H 100.000.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số: 737/PV54 ngày 27/12/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk thể hiện: Chữ ký, chữ viết đứng tên NGUYỄN QUỐC C trong “*Giấy nhận tiền xin việc*” đề ngày 24/3/2015, “*Giấy hẹn*” đề ngày 12/9/2016 so với chữ ký, chữ viết đứng tên NGUYỄN QUỐC C trong tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

Như vậy, từ tháng 02/2015 đến tháng 04/2015 NGUYỄN QUỐC C đã chiếm đoạt của vợ chồng bà Hà Thị H, ông Ngô Văn T tổng số tiền là 540.000.000 đồng (620.000.000 đồng - 80.000.000 đồng).

2. Thông qua các mối quan hệ NGUYỄN QUỐC C quen biết với ông Nguyễn Văn H, C nói dối là C có quen nhiều lãnh đạo tỉnh nên có thể xin việc làm vào cơ quan nhà nước, ông Hải biết trường hợp nào đang có nhu cầu xin việc thì giới thiệu cho C.

Khoảng tháng 02/2016, ông Nguyễn Văn H đưa bà Nguyễn Thị P cùng con trai là anh Lê Anh H đến gặp NGUYỄN QUỐC C để nhờ xin việc cho anh Lê Anh H, tốt nghiệp trường Trung cấp Y, chuyên ngành y sĩ đa khoa nhưng chưa có việc làm. Sau khi gặp và trao đổi C hứa hẹn xin cho anh Hoàng vào làm việc tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk với chi phí là 150.000.000 đồng, thỏa thuận đưa trước số tiền 100.000.000 đồng. Khi nào có quyết định đi làm sẽ đưa số tiền còn lại 50.000.000 đồng và hẹn đến tháng 8/2016 anh Hoàng có quyết định đi làm. Từ ngày 14/3/2016 đến ngày 27/7/2016, NGUYỄN QUỐC C đã nhận của vợ chồng bà P, ông D tổng số tiền là 100.000.000 đồng khi viết giấy nhận tiền chỉ thể hiện nội dung mượn tiền của bà P và ông D mà không thể hiện nhận tiền xin việc, cụ thể:

Lần 1: Ngày 14/3/2016, C nhận hồ sơ xin việc và số tiền 50.000.000 đồng của bà P, khi đưa nhận tiền 02 bên có viết giấy thể hiện nội dung: “*Nguyễn Thị P có đưa cho ông NGUYỄN QUỐC C 113/48 Giải Phóng, phường T, thành phố B với số tiền là 50.000.000 đồng*”. Sau khi nhận tiền, C hẹn đến ngày 07/7/2016 đưa anh Hoàng đi thi công chức.

Lần 2: Ngày 27/7/2016, bà P và ông D đưa cho C số tiền 50.000.000 đồng, khi đưa tiền thì ông D có viết giấy thể hiện nội dung: “*Lê Anh D có cho anh NGUYỄN QUỐC C mượn 50.000.000 đồng*”.

Xác minh tại Sở y tế Đắk Lắk, trong năm 2016, Sở y tế Đắk Lắk không tiếp nhận hồ sơ có tên Lê Anh H xin vào các đơn vị sự nghiệp.

Khi NGUYỄN QUỐC C không xin được việc như thỏa thuận thì bà Nguyễn Thị P và ông Lê Anh D yêu cầu C trả lại tiền. Ngày 25/02/2017 bị cáo NGUYỄN QUỐC C viết giấy hẹn nợ thể hiện nội dung: “*Tôi có mượn của chị Nguyễn Thị P số tiền 100.000.000 đồng, tôi xin hứa trả lại số tiền mượn vào ngày 27/3/2017*”, nhưng quá thời hạn trên C cũng không trả lại tiền cho bà P. Số tiền 100.000.000 đồng NGUYỄN QUỐC C chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị P, C khai đưa cho ông Đỗ Đình T (là người đến tạm trú và bán phở ở khu vực khối 10, phường Tân Tiến, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) mượn làm ăn nhưng không viết giấy tờ gì và cũng không có ai chứng kiến. Tiến hành xác minh tại Công an phường Tân Tiến xác định: Ông Đỗ Đình T đến tạm trú nhưng không khai báo, hiện đã bỏ đi khỏi địa phương do đó không xác định rõ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông Đỗ Đình T. Vì vậy, không có căn cứ để chứng minh bị cáo NGUYỄN QUỐC C cho ông Đỗ Đình T mượn số tiền 100.000.000 đồng.

Như vậy, NGUYỄN QUỐC C đã nhận hồ sơ và tiền 02 lần của vợ chồng bà P, ông D với tổng số tiền là 100.000.000 đồng rồi chiếm đoạt, sử dụng vào mục đích cá nhân.

Tại bản kết luận giám định số: 291/PC54 ngày 08/6/2017 của phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên NGUYỄN QUỐC C trong các giấy thể hiện nội dung nhận tiền đề ngày 14/3/2016, 27/7/2016 và giấy hẹn đề ngày 25/02/2017 so với chữ ký, chữ viết đứng tên NGUYỄN QUỐC C trong tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Đắk Lắk đã kê biên tài sản gồm 291,5m² thuộc thửa đất số 139, tờ bản đồ số 29, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 824482 do UBND thành phố cấp ngày 5/8/2010 cho hộ Tạ Thị V và tài sản trên đất gồm 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 140m² theo lệnh kê biên tài sản số 17 ngày 10/4/2017 và biên bản kê biên tài sản ngày 13/4/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Đắk Lắk. Qua xác minh xác định đất và tài sản trên đất mà cơ quan điều tra đã kê biên nêu trên là của cá nhân bà Tạ Thị V không có phần đóng góp của bị cáo NGUYỄN QUỐC C.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 53/2017/HSST ngày 21/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo NGUYỄN QUỐC C phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 47 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo NGUYỄN QUỐC C 08 (Tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 13/4/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự, Điều 608 Bộ luật dân sự:

Chấp nhận việc bị cáo NGUYỄN QUỐC C đã tự nguyện bồi thường cho vợ chồng bà Hà Thị H, ông Ngô Văn T số tiền 100.000.000 đồng. Buộc bị cáo NGUYỄN QUỐC C phải tiếp tục bồi thường cho vợ chồng bà H, ông T số tiền 440.000.000 đồng.

Buộc bị cáo NGUYỄN QUỐC C phải bồi thường cho vợ chồng bà Nguyễn Thị P, ông Lê Anh D số tiền 100.000.000 đồng.

Hủy bỏ lệnh kê biên số 17 ngày 10/4/2017 và biên bản kê biên tài sản ngày 13/4/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Đắk Lắk đối với quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của bà Tạ Thị V.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quy định về thi hành án dân sự và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/9/2017, người bị hại bà Nguyễn Thị P và bà Hà Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị: bác kháng cáo của các người bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bởi lẽ nội dung kháng cáo của các người bị hại không có căn cứ để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Bản án số 53/2017/HSST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử NGUYỄN QUỐC C, về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo NGUYỄN QUỐC C thì thấy: Từ tháng 2/2015 và tháng 7/2016 NGUYỄN QUỐC C lừa gạt để chiếm đoạt tài sản với thủ đoạn xin việc. Cụ thể, NGUYỄN QUỐC C chiếm đoạt của vợ chồng chị Hà Thị H, ông Ngô Văn T 540.000.000 đồng, của vợ chồng chị Nguyễn Thị P, anh Lê Văn Dũng 100.000.000 đồng. Với hành vi và hậu quả nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo là đúng đắn. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá đúng tính chất hành vi phạm tội của bị

cáo; Áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Tuyên xử mức án 8 năm tù là phù hợp tính chất hành vi phạm tội do bị cáo gây ra.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Tòa án cấp sơ thẩm quy buộc bồi thường đầy đủ số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của các bị hại.

Về quyết định hủy bỏ lệnh kê biên số 17 ngày 10/4/2017 và biên bản kê biên tài sản ngày 13/4/2017 của cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Đắk Lắk là đúng đắn. Bởi lẽ, chị Tạ Thị V và NGUYỄN QUỐC C sống chung như vợ chồng vào năm 1992. Nhà đất của chị Vinh nguồn gốc: ông Ất anh trai bà Vinh cho bà Vinh năm 1990. Năm 2010 được cấp sổ đỏ nên tài sản nêu trên thuộc sở hữu riêng của bà Tạ Thị V không thuộc tài sản chung giữa bà Vinh và NGUYỄN QUỐC C.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: Nội dung kháng cáo của các bà Nguyễn Thị P, Hà Thị H không có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bà Nguyễn Thị P, Hà Thị H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: NGUYỄN QUỐC C phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **NGUYỄN QUỐC C 8 (tám) năm tù**, thời hạn tính từ ngày 13/4/2017.

2. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm giữ nguyên.

3. Bị cáo NGUYỄN QUỐC C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Bá Sơn